TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM ĐÀN** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 02- 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Đình Nguyện.

2. Bà Hoàng Thị Thúy Giang.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà*:** Ông Đặng Trường Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 7 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2021; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Chu Văn T, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Xóm PK, xã TPC, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1984. Nơi ĐKHKTT: Xóm PK, xã TPC, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: Xóm X, xã TH, huyện TC, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25/6/2020 cũng như bản tự khai, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Chu Văn T trình bày: Nguyên đơn và bị đơn chị Nguyễn Thị P kết hôn ngày 18 tháng 01 năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn VQ, huyện HSP, tỉnh Hà Giang.

Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, chị Nguyễn Thị P mê tín, theo đạo. Mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được nên ngày 19/8/2019 chị Nguyễn Thị P đưa con chung Chu Tuấn K về sinh sống với bố mẹ đẻ tại xã TH, huyện TC, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay nguyên đơn thấy tình nghĩa vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Nguyễn Thị P. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Chu Khánh H, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2007 và Chu Tuấn K, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2018. Vợ chồng ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị Nguyễn Thị P cấp dưỡng nuôi các con chung. Về tài sản chung và các khoản nợ của vợ chồng: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 14/8/2020, bị đơn chị Nguyễn Thị P trực tiếp nộp 02 Đơn khởi kiện đối với anh Chu Văn T, ông Chu Văn L và bà Đặng Thị Đ với các nội dung: Chị Nguyễn Thị P và anh Chu Văn T kết hôn năm 2007, có Giấy đăng ký kết hôn hợp pháp và đã có 02 con chung là Chu Khánh H, sinh năm 2007 và Chu Tuấn K, sinh năm 2018. Tuy nhiên chị Nguyễn Thị P không có quyền gì kể cả quyền đặt tên cho con. Ông L, bà Đ tạo áp lực, tước quyền công dân của chị P. Vì vậy chị Nguyễn Thị P chưa chấp nhận đơn ly hôn của anh Chu Văn T vì đơn không hợp lệ và đang cướp quyền con người, kinh tế và con cái của chị Nguyễn Thị P. Chị Nguyễn Thị P kiện anh Chu Văn T để phân giải theo Luật nhân quyền con người. Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn đã tiến hành tống đạt hợp lệ các Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Nguyễn Thị P vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã tiến hành xác minh các nội dung tranh chấp trong vụ án tại UBND xã TPC, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; ủy thác đến Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An để xác minh tại UBND xã TH, huyện TC, tỉnh Nghệ An và lấy lời khai của ông Nguyễn Đức A (là bố đẻ của chị Nguyễn Thị P) thì được cung cấp thông tin: Chị Nguyễn Thị P là con ông Nguyễn Đức A, trú tại xóm X, xã TH, huyện TC, tỉnh Nghệ An. Chị Nguyễn Thị P và anh Chu Văn T đăng ký kết hôn và sinh sống tại thị trấn VQ, huyện HSP, tỉnh Hà Giang. Năm 2017 gia đình anh T chị P về sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm PK, xã TPC, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Sau khi sinh cháu thứ hai do bất đồng, mâu thuẫn trong việc đặt tên cho con nên chị Phượng đã đưa cháu thứ hai về sinh sống cùng bố mẹ đẻ và đi làm ăn tự do nhưng không đăng ký

tạm trú tại xã TH, huyện TC. Hiện tại chị Nguyễn Thị P chưa làm thủ tục cắt, chuyển hộ khẩu thường trú theo quy định, không thông báo về việc vắng mặt tại địa phương. Chị Nguyễn Thị P đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt nhưng không có mặt mà không có lý do.

Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai ngày 09/9/2020, cháu Chu Khánh H trình bày nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn được sống cùng bố Chu Văn T.

Tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 09/9/2020, ông Chu Đình L và bà Đặng Thị Đ trình bày: Anh Chu Văn T kết hôn với chị Nguyễn Thị Pnăm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn VQ, huyện HSP, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau ở thành phố Hồ Chí Minh. Đầu năm 2014 chị Nguyễn Thị P ra Hà Giang sinh sống cùng gia đình ông bà. Năm 2017 ông bà làm nhà tại xã TPC và cho vợ chồng T - P sinh sống nhưng chưa sang tên đổi chủ. Thời gian chị P sinh sống cùng gia đình ông bà, cuộc sống bình thường, ông bà không gây áp lực gì cho chị P. Khi chị P sinh cháu thứ hai thì do mâu thuẫn trong việc đặt tên cho con nên chị P đưa con về bố mẹ đẻ sinh sống. Việc đặt tên cho con do vợ chồng quyết định, ông bà không liên quan.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ, thủ tục tống đạt đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự quy định từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt trong quá trình Tòa án giải quyết nên bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về tình cảm: Anh Chu Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị P. Về con chung: Giao con chung Chu Khánh H, sinh ngày 08/8/2007 cho anh Chu Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao con chung Chu Tuấn K, sinh ngày 16/3/2018 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do các bên không yêu cầu. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Về thẩm quyền: Anh Chu Văn T yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với chị Nguyễn Thị P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã TPC, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị P được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Chu Văn T và chị Nguyễn Thị P có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01, ngày 18 tháng 01 năm 2007 của UBND thị trấn VQ, huyện HSP, tỉnh Hà Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh Chu Văn T là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, chị Nguyễn Thị P mê tín, theo đạo, không thống nhất trong việc đặt tên cho con dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị P và các tài liệu thu thập được xác định: Do mâu thuẫn trong việc đặt tên cho con dẫn đến mâu thuẫn gia đình nên chị Nguyễn Thị P đã đưa con về bố mẹ đẻ sinh sống. Chị Nguyễn Thị P cho rằng chị bị tước quyền công dân nên chưa chấp nhận đơn ly hôn của anh Chu Văn T và khởi kiện anh T nhưng ngoài đơn khởi kiện thì chị Nguyễn Thị P không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ và văn bản trình bày nào khác. Từ tháng 8/2019 đến nay anh Chu Văn T và chị Nguyễn Thị P không chung sống với nhau và không tìm được tiếng nói chung để hàn gắn tình

cảm vợ chồng. Xét thấy vợ chồng không chung sống với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh Chu Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

[2]. Về con chung: Anh Chu Văn T và chị Nguyễn Thị P có hai con chung là Chu Khánh H, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2007 và Chu Tuấn K, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2018. Thời gian vợ chồng không chung sống với nhau cho đến nay, con chung Chu Khánh H do anh Chu Văn T trực tiếp nuôi dưỡng và con chung Chu Tuấn K do chị Nguyễn Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho mỗi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng một con chung đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và thực tế. Con chung Chu Khánh H hiện đang sinh sống, học tập ổn định tại trường Trung học cơ sở TPC, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An và có nguyện vọng được sống cùng bố nên giao con chung Chu Khánh H cho anh Chu Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành. Con chung Chu Tuấn K chưa đủ 36 tháng tuổi và hiện tại đang sống cùng chị Nguyễn Thị P nên giao con chung Chu Tuấn K cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành.

[3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên đều trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6]. Các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Chu Văn T và chị Nguyễn Thị P.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Chu Khánh H, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2007 cho anh Chu Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao con chung Chu Tuấn K, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2018 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do các bên chưa có yêu cầu. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Anh Chu Văn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002526, ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Anh Chu Văn T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Đàn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Lài